

Mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong thu nhập, nghèo đói và tội phạm ở các quốc gia

PAUL-PHILIPPE PARE, RICHARD FELSON.

Income inequality, poverty and crime across nations.

The British Journal of Sociology, 2014, Volume 65 Issue 3.

Lan Anh dịch

Tóm tắt: Chúng tôi đã khảo nghiệm mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong thu nhập, nghèo đói, và các loại tội phạm khác nhau. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi nhất quán với một nghiên cứu gần đây, cho thấy rằng bất bình đẳng sẽ không liên quan đến tỷ lệ giết người nếu nghèo đói được kiểm soát. Trong các phân tích nhiều cấp độ của chúng tôi trong Khảo sát quốc tế về Nạn nhân của tội ác ICVS (*International Crime Victimization Survey*), chúng tôi nhận thấy rằng bất bình đẳng sẽ không liên quan đến việc hành hung, cướp bóc, đột nhập và trộm cắp nếu nghèo đói được kiểm soát. Chúng tôi cho rằng đó cũng là cơ sở lý luận để nghi ngờ nhận định về mối quan hệ giữa mức độ bất bình đẳng thu nhập của một quốc gia và khả năng xảy ra hành vi phạm tội.

Từ khóa: Tội phạm xuyên quốc gia, Giết người, ICVS, Bất bình đẳng trong thu nhập, Nghèo đói

Nhiều học giả và nhà bình luận xã hội cho rằng mức độ bất bình đẳng trong kinh tế cao có những tác động tiêu cực đến xã hội. Họ cho rằng sự bất bình đẳng chỉ đem lại lợi ích cho một vài người giàu có trong khi hầu hết mọi người phải gánh chịu hậu quả của nó. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã lại một lần nữa khơi dậy những cuộc tranh luận xung quanh vấn đề này. Ví dụ, trong một cuốn sách bán chạy của

mình, Wilkinson và Pickett (2009) đã liên hệ bất bình đẳng trong kinh tế với một loạt các tệ nạn xã hội, bao gồm cả sự mất niềm tin trong xã hội, sự suy giảm sức khỏe tinh thần và thể chất, việc tiêu dùng quá mức, nghiện thuốc lá, béo phì, và sự thất bại của hệ thống giáo dục. Với họ, chính bối cảnh của sự bất bình đẳng chứ không phải nghèo đói về vật chất đã gây ra những vấn đề này.

Không có học giả nào đổ lỗi cho những hậu quả tiêu cực của bất bình đẳng trong kinh tế mạnh mẽ hơn các nhà xã hội học (ví dụ như Neckerman và Torche, 2007). Vai trò của bất bình đẳng trong kinh tế đã thu hút sự chú ý nhất định của các nhà xã hội học quan tâm đến sự khác nhau về tỷ lệ giết người trên thế giới. Cho đến gần đây, ý tưởng về mức độ bất bình đẳng cao dẫn đến tỷ lệ giết người cao hơn đã trở thành một quan niệm phổ biến (Chamlin và Cochran, 2005; Neapolitan, 1997). Quan niệm đó được hình thành dựa trên kết quả của nhiều nghiên cứu xuyên quốc gia, những nghiên cứu này phát hiện mối liên kết rõ ràng giữa bất bình đẳng thu nhập và tỷ lệ giết người (chẳng hạn như Messner, Raffalovich và Shrock, 2002; Fajnzylber, Lederman, và Loayza, 1998, 2002a, 2002b; Pratt và Godsey, 2003; xem thêm Chamlin và Cochran, 2005; LaFree, 1999; Messner, 2003; Neapolitan, 1997 để biết các bình luận). Tuy nhiên, công trình nghiên cứu gần đây của Pridemore (2008, 2011) đã bác bỏ ý tưởng này. Chúng tôi xem xét vấn đề sâu hơn trong nghiên cứu này và mở rộng phân tích với các loại tội phạm khác.

Trước khi thực hiện các phân tích thực nghiệm của mình, chúng tôi thảo luận về các vấn đề lý luận và nghiên cứu trước đó. Trước hết, chúng tôi thảo luận về cơ sở lý luận của lý thuyết nghèo đói sinh ra hành vi phạm tội. Ảnh hưởng của nghèo đói đơn giản hơn và trực diện hơn ảnh hưởng của bất bình đẳng vì không cần phải tính đến những ảnh hưởng bổ sung của các nhóm tham khảo. Sau đó chúng tôi cân nhắc đến những lập luận về ảnh hưởng của bất bình đẳng, tập trung vào vai trò của các nhóm tham khảo, và sự phù hợp của lập

luận với các tài liệu khoa học về bạo lực. Cuối cùng, chúng tôi xem xét nghiên cứu về bất bình đẳng kinh tế với giết người và các loại tội phạm khác.

Nghèo đói và tội phạm

Mối tương quan giữa thực trạng kinh tế xã hội và tình hình bạo lực, phạm tội đã được thiết lập chặt chẽ (ví dụ, Pratt và Cullen, 2005; Sampson và Lauritsen, 1994; Bailey, 1984; Lee, 2000). Tuy nhiên, sự diễn giải về mối tương quan này chưa thật rõ ràng. Mối quan hệ này có thể không xác thực nếu các đặc tính cá nhân hoặc nhóm tác động tới cả thành tựu về kinh tế và hành vi phạm tội (Cusson, 2005). Có thể nói rằng hành vi phạm tội tác động tới thực trạng kinh tế xã hội, nếu nhà tù hoặc một lối sống phạm pháp cản trở khả năng kiếm việc làm (Cusson, 2005). Tuy nhiên, hầu hết các học giả nhận định việc sống trong tình trạng đói nghèo làm gia tăng khả năng xảy ra hành vi phạm tội. Thực tế, một vài lý thuyết xã hội học về tội phạm đã cố gắng giải thích những ảnh hưởng có tính chất nhân quả của thực trạng kinh tế xã hội. Vài lý thuyết trong số này tập trung vào sự phân biệt đối xử đối với người nghèo và sự thiếu vắng các cơ hội hợp pháp dành cho họ. Ví dụ, người nghèo có khả năng dính vào tội phạm hơn bởi vì các cơ hội đạt được các mục tiêu sống một cách hợp pháp bị giới hạn đối với họ hoặc bởi vì họ bị đặt vào các trải nghiệm tiêu cực trong cuộc sống (Merton, 1938; Agnew, 1999)^(*). Thêm vào đó, người nghèo có thể dùng các hành vi phạm tội bạo lực để giải quyết những nỗi bất bình của họ vì họ không

(*) Ở một số nước đang phát triển, những người sống trong tình cảnh đói nghèo nghiêm trọng có thể dính đến tội phạm tài sản vì mục đích sinh tồn.

được tiếp cận hệ thống pháp luật (Black, 1976, 1983).

Ở nhóm thứ hai, một số giải thích tập trung vào các biện pháp kiểm soát đối với tầng lớp thấp trong xã hội, đặc biệt những người sống ở những môi trường xã hội nhiều bất lợi. Người nghèo có khả năng sống ở những vùng có môi trường xã hội vô tổ chức với mức độ hiệu quả tập thể thấp hơn những người có vị trí xã hội cao hơn (Bursik, 1988; Sampson, Raudenbush, và Earls, 1997). Những tác động từ môi trường xung quanh có thể gia tăng nếu các nguy cơ xảy ra bạo lực, xâm phạm khiến các cư dân nơi đó có một tư thế hiếu chiến hoặc tự trang bị vũ khí (Anderson, 1999; Felson và Paré, 2010).

Ở nhóm ba, một số giải thích tập trung vào xu hướng những người có địa vị kinh tế xã hội thấp tham gia vào các nhóm văn hóa bạo lực hoặc lệch lạc (Anderson, 1999; Miller, 1958; Wolfgang và Ferracuti, 1967). Những trải nghiệm xã hội của họ dẫn họ tới việc có thái độ thiên về tội phạm, chẳng hạn như họ tin rằng điều quan trọng là cần phải phản ứng với sự bất kính bằng hành vi xâm phạm thể chất.

Bất bình đẳng kinh tế và tội phạm

Việc khẳng định bất bình đẳng kinh tế dẫn đến tội phạm về cơ bản là một lập luận có yếu tố bối cảnh liên quan đến “mặc cảm hèn kém tương đối” mà những người sống trong nghèo đói trải qua. Người nghèo so sánh hoàn cảnh của họ với hoàn cảnh của một nhóm người tham khảo khác, và nếu nhận thấy hoàn cảnh của mình tồi tệ hơn, họ sẽ có cảm giác mặc cảm hèn kém, bị tước đoạt những cái lẽ ra họ phải có. Tác động của mặc cảm hèn kém tương đối đến hành vi tội ác thường được cho là bắt nguồn từ những cảm giác tuyệt vọng

(Brush, 1996, Krahn, Hartnagel và Gartrell, 1986). Ví dụ, Blau J. R. và Blau P. M. đã lập luận rằng: Bất bình đẳng về tài sản ngụ ý rằng đối với những người có số phận nghèo khổ thấy rất nhiều của cải trong tầm mắt nhưng lại không thể với tới, họ sẽ nảy sinh những oán giận, nản chí, tuyệt vọng và ghét bỏ (Blau và Blau, 1982, p.19; xem thêm; Agnew, 1999, Wilkinson, 2004).

Những lập luận trên dù trực tiếp hay gián tiếp đều dựa trên giả thuyết về sự thất vọng hung hăng - một học thuyết đưa ra quan điểm về mối liên hệ sinh học giữa bế tắc trong việc đạt được mục tiêu và phản ứng hung hăng giận dữ (Dollard et al., 1939; Berkowitz, 1993). Người nghèo cảm thấy tuyệt vọng bởi mức độ bất bình đẳng quá cao và cảm giác này khiến họ có những phản ứng hung hăng, thường nhắm đến những người nghèo khổ khác mà không có cảm giác này.

Một giải thích mang tính xã hội học hơn được đưa ra chính là bất bình đẳng và mặc cảm hèn kém tương đối sẽ gây ra hiện tượng lệch chuẩn, trong đó các quy tắc điều chỉnh thiếu tính hợp pháp và mất sức ảnh hưởng (Merton, 1938; Messner và Roenfeld, 1997a, 1997b; Savolainen, 2000). Những luận cứ liên quan cho thấy tác động của bất bình đẳng là do thiếu hỗ trợ xã hội hoặc một hệ thống an sinh yếu kém (Antonaccio và Tittle, 2007; Pratt và Godsey, 2003).

Những bất đồng trong việc nhận định tội phạm có liên quan đến nghèo đói hay liên quan đến bất bình đẳng không phải là một cuộc tranh cãi về việc con người bị ảnh hưởng bởi mặc cảm hèn kém tương đối hay tuyệt đối. Ảnh hưởng của nghèo đói có thể là do mặc cảm hèn kém tương đối, cũng có thể là

do mặc cảm hèn kém tuyệt đối. Con người đánh giá kết quả dựa trên kỳ vọng của họ, và những kỳ vọng đó bị ảnh hưởng bởi nhận thức của họ về kết quả của người khác (so sánh xã hội) và các kết quả trước của chính họ (so sánh về thời gian). Do vậy, những người nghèo có thể chịu mặc cảm hèn kém tuyệt đối nếu các điều kiện vật chất cơ bản của họ không đủ, và họ có thể chịu mặc cảm hèn kém tương đối nếu họ nghĩ những người nghèo khác đang làm tốt hơn họ hoặc những hoàn cảnh riêng của họ đã trở nên tồi tệ hơn theo thời gian. Những người xây dựng giả thuyết về ảnh hưởng của bất bình đẳng kinh tế nhận định rằng người nghèo so sánh kết quả của họ với những cá nhân giàu có hơn trong một nhóm hoặc một tập thể xã hội lớn nào đó, trong đó họ là một thành viên. Họ cho rằng những người có địa vị thấp cảm thấy bị mặc cảm hèn kém tương đối vì hoàn cảnh của họ ít thuận lợi hơn những người giàu có của đất nước họ (hoặc thành phố, hoặc tiểu bang của họ). Giờ chúng tôi sẽ chuyển sang thảo luận về tuyên bố này.

Các nhóm tham khảo và bất bình đẳng về kinh tế

Thứ nhất, hoàn cảnh kinh tế có thể tác động đến mặc cảm hèn kém tương đối, nhưng tác động của chúng chỉ là gián tiếp thông qua giải thích chủ quan của người nhận định: các cá nhân phản ứng với khả năng “định vị tình huống” của họ (Thomas và Thomas, 1928). Những lập luận tập trung vào mặc cảm hèn kém tương đối phải đưa ra những giả định về một nhóm người được sử dụng để so sánh, gọi là nhóm tham khảo (Clark, 1972; Cochran, Chamlin, Beeghley và Fenwick, 2004; Easterlin, 2001). Trong các nghiên cứu quốc tế, giả định này như sau: con người so

sánh chính họ với những người đồng hương. Lý thuyết và nghiên cứu về nhóm tham khảo, mặt khác, nhấn mạnh sự so sánh với các nhóm nhỏ hơn, thân thiết hơn, ví dụ, bạn bè, gia đình, những người cùng cộng tác (Clark, 1972; Cochran et al., 2004; Easterlin, 2001; xem thêm: Runciman, 1966). Do đó, chưa rõ ảnh hưởng của bất bình đẳng về thu nhập trong những xã hội lớn (ví dụ: đất nước) có gây ra cảm giác về mặc cảm hèn kém tương đối hay không.

Thứ hai, ngay cả khi những người đồng hương là một nhóm tham khảo, chưa rõ là số lượng người giàu có trong một đất nước có tạo ra một sự khác biệt tâm lý trong cách mọi người đánh giá hoàn cảnh của họ hay không. Trong mọi xã hội lớn, có những người được hưởng nhiều đặc ân mà người thường dễ nhìn thấy trên các phương tiện truyền thông đại chúng, có thể coi họ như là một tiêu chuẩn cao để so sánh, bất kể việc họ chiếm 0,01% hay 1% của dân số hay họ kiếm được gấp 50 lần hoặc 500 lần so với một công nhân có mức thu nhập trung bình. Quy mô của nhóm hoặc tỷ lệ của cải họ nắm giữ trong đất nước họ có thể không phải là một yếu tố nổi bật ảnh hưởng đến cách con người đánh giá hoàn cảnh của mình. Những người sống trong đói nghèo thậm chí có thể không nhận thức được mức độ bất bình đẳng, nhưng họ chắc chắn nhận thức được cái nghèo riêng của họ.

Thứ ba, so sánh xã hội và mặc cảm hèn kém tương đối là những vấn đề của cuộc sống hàng ngày ở đâu cũng có, không chỉ phản ánh mỗi thành tựu về kinh tế. Chúng ta thường xuyên bắt gặp những người hấp dẫn hơn, tài năng hơn, khỏe mạnh hơn, và nổi tiếng hơn chính chúng ta nên có rất nhiều tình huống

khiến chúng ta phải chịu đựng hoặc bất mãn vì bị so sánh. Ngoài ra, so sánh thời gian có thể khiến các cá nhân cảm thấy thất vọng khi họ tồi tệ hơn chính họ trong quá khứ, ngay cả khi họ đang tốt hơn so với những người khác. Tất cả những so sánh này làm giảm bớt tác động có yếu tố bối cảnh của phân phối thu nhập đến cảm giác mặc cảm hèn kém tương đối. Các tác động của hoàn cảnh thường khá yếu; tác động của hoàn cảnh nêu trên cũng vậy.

Các tài liệu nghiên cứu về bạo lực

Lập luận về sự bất bình đẳng cũng mâu thuẫn với các tài liệu có uy tín nghiên cứu về bạo lực. Đầu tiên, lập luận này bỏ qua những nghiên cứu về tác động môi trường xung quanh đối với vấn đề tội phạm bạo lực. Những người nghiên cứu về tác động môi trường xung quanh đưa ra lập luận trái chiều về tác động của sự bất bình đẳng, dù là họ sử dụng các ngôn ngữ khác nhau (ví dụ, Kubrin và Weitzer, 2003; Parker và Reckdenwald, 2008; Sampson, Raudenbush và Earls, 1997). Họ lập luận rằng tỷ lệ tội phạm lẽ ra là cao nhất trong bối cảnh xã hội có chỉ số “bất lợi tập trung”, ví dụ trong bối cảnh tỷ lệ bất bình đẳng thấp nhưng tỷ lệ nghèo lại cao. Trong khi lập luận về sự bất bình đẳng nhận định rằng người nghèo có khả năng phạm tội nếu họ sống giữa những người giàu hơn, thì lập luận về tác động môi trường xung quanh lại cho rằng người nghèo có nhiều khả năng phạm tội nếu họ sống giữa những người nghèo khác. Có thể những người giàu tạo ra cho người nghèo mặc cảm hèn kém tương đối nhưng họ cũng giúp làm tăng tính hiệu quả tập thể và tạo ra sự ổn định xã hội. Có thể các quá trình này bù trừ cho nhau, do đó không gây ra các

tác động tổng thể nào. Điều thú vị là hai trong số các tài liệu có ảnh hưởng nhất về vấn đề tội phạm xã hội lại đưa ra những dự đoán trái ngược nhau về những tác động có yếu tố bối cảnh của sự bất bình đẳng đối với hành vi phạm tội, chứ không ảnh hưởng hay thậm chí thừa nhận lẫn nhau.

Thứ hai, lập luận về sự bất bình đẳng mâu thuẫn với các tài liệu nghiên cứu về những người được xem là nạn nhân của bạo lực tội phạm. Lập luận này ám chỉ rằng những người phạm tội đã từng trải qua mặc cảm hèn kém tương đối lẽ ra phải tấn công những người giàu có quyền lực. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy những người có địa vị thấp hơn lại chiếm tỷ lệ nạn nhân cao hơn (Miethe, Stafford và Long, 1987; Sampson và Lauritsen, 1994). Có thể lập luận rằng những người phạm tội chuyển sự gây hấn của họ sang những người nghèo khác hoặc là họ tham gia vào các cuộc tấn công ngẫu nhiên. Tuy nhiên, các nghiên cứu về lượng và về chất cho thấy rằng hầu hết các vụ bạo lực nhất bắt nguồn từ các xung đột giữa các cá nhân với nhau, cụ thể là giữa người phạm tội và nạn nhân (ví dụ như: Jacobs và Wright, 2006; Katz, 1988; Luckenbill, 1977; xem Tedeschi và Felson, 1994). Sự gây hấn được chuyển dịch nói trên là hiếm, thậm chí những cuộc tấn công ngẫu nhiên lại càng hiếm hơn: những người phạm tội thường nhắm mục tiêu đến người mà họ có thù hằn. Hành vi bạo lực mang tính công cụ, chứ không phải là sự bùng nổ vô lý do bị tuyệt vọng mất phương hướng.

Cuối cùng, lý luận về bất bình đẳng mâu thuẫn với các tài liệu nghiên cứu về mặc cảm hèn kém tương đối và bạo lực tập thể. Nghiên cứu về bạo loạn và

cách mạng cho thấy mặc cảm hèn kém tương đối không ảnh hưởng đến hành vi, trừ khi người dân có những bất bình cụ thể, và rằng hành vi của họ liên quan đến hành động chính trị có lý trí, chứ không phải là hành vi bạo lực ngẫu nhiên (Gurr, 1968, 1970; Brush, 1996; Walker, Wong và Kretzschmar, 2002). Các học giả nghiên cứu hành vi tập thể hiện nay nhấn mạnh tới hành vi có chủ đích của các cá nhân hoặc nhóm nhỏ trong các cuộc tụ họp lớn hơn chứ không chỉ là những băng nhóm tội phạm vô cớ tấn công các nạn nhân (chẳng hạn như Goodwin, 2001; McAdam, Tarrow và Tilly, 2001; McPhail, 1991).

Nghiên cứu về bất bình đẳng và tội giết người

Với những vấn đề lý luận này, làm thế nào để giải thích mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tỷ lệ giết người đã được phát hiện trong nghiên cứu quốc tế? Theo Pridemore (2008, 2011), ảnh hưởng của sự bất bình đẳng đã được nêu ra bởi vì nghiên cứu đã không xem xét đến chỉ số đói nghèo (xem thêm Neumayer, 2003). Ông chỉ ra rằng việc xem xét yếu tố phát triển kinh tế, hay chỉ số GDP bình quân đầu người trong các nghiên cứu quốc tế đều không phải là xem xét đến chỉ số đói nghèo vì các chỉ số phát triển kinh tế là thước đo của xu hướng tập trung và không phản ánh thực trạng đời sống của những người ở dưới cùng của tầng phân hóa thu nhập. Ông tự hỏi tại sao các nghiên cứu này không tính đến chỉ số đói nghèo trong khi nghiên cứu ở Mỹ cho thấy rằng đói nghèo là một yếu tố dự báo liên quan mật thiết tới tội giết người (ví dụ, Bailey, 1984; Lee, 2000). Pridemore (2008) sau đó đã phân tích mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tỷ lệ giết người có tính đến tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh, một thước đo gián tiếp của nghèo

đói (xem, ví dụ như Mosley và Chen, 1984). Dựa trên mẫu chọn 46 quốc gia, ông thấy rằng tỷ lệ giết người có liên quan đến tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh nhưng mối quan hệ giữa tỷ lệ giết người và Chỉ số Gini về bất bình đẳng thu nhập lại không phải là trọng yếu. Trong một nghiên cứu sau này, Pridemore (2011) khảo nghiệm lại vấn đề mối quan hệ giữa bất bình đẳng với đói nghèo bằng việc sử dụng ba bộ dữ liệu khác nhau từ các nghiên cứu được xuất bản trước đó (Fajnzylber et al., 1998; Savolainen, 2000). Ông tìm thấy một tác động dương tính của tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và không có tác động nào của Chỉ số Gini dựa trên dữ liệu của Fajnzylber et al. và dữ liệu nạn nhân nữ của tội giết người của Savolainen. Tuy nhiên, ông cũng phát hiện, cả tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và Chỉ số Gini đều có tác động dương tính nếu sử dụng dữ liệu nạn nhân nam của tội ác giết người của Savolainen.

Một nhóm 3 nhà khoa học Messner, Raffalovich và Sutton (2010) đã phản bác lại lập luận của Pridemore về ý nghĩa của tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh dựa trên các phân tích của họ ở 16 nước phát triển. Họ đã phát hiện ra rằng tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh liên quan chặt chẽ tới mức nghèo tương đối (những người chỉ kiếm được 60% so với thu nhập trung bình quốc gia) hơn mức nghèo tuyệt đối (tỷ lệ phần trăm những người chỉ có thể trang trải được một mức độ cơ bản của đời sống) ($r = 0,744$ so với $r = 0,539$). Ngoài ra, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và mức nghèo tương đối cũng liên quan nhiều tới tỷ lệ giết người, trong khi không liên quan nhiều tới mức nghèo tuyệt đối. Họ lập luận rằng mối quan hệ giữa tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và tỷ lệ giết người có thể phản ánh tác động của

hai tỷ lệ nghèo ở mức độ tuyệt đối và tương đối. Tuy nhiên những ám chỉ trong công trình của họ liên quan đến các tác động của sự bất bình đẳng là không rõ ràng. Phương pháp tính toán của họ về mức nghèo tương đối không tính đến lớp người ở phía trên của tầng phân phối thu nhập và do đó không phải là một thước đo của sự bất bình đẳng. Bên cạnh đó, việc tính toán của họ về mức nghèo tuyệt đối có lẽ là quá cực đoan để đo lường chính xác mức nghèo ở các nước phát triển. Cuối cùng, lý do tại sao mức nghèo tương đối ảnh hưởng đến tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh cũng chưa rõ ràng. Lý do tại sao mức nghèo tuyệt đối có liên quan đến tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh được cho là do mối liên quan giữa tỷ lệ này với chăm sóc trước và sau sinh (Mosley và Chen, 1984).

Một nghiên cứu gần đây được thực hiện bởi Ouimet (2012) nhằm làm rõ những tác động của sự bất bình đẳng thu nhập và nghèo đói bằng việc sử dụng mẫu chọn lớn với 165 quốc gia. Phương pháp của Ouimet về nghèo đói căn cứ vào tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh vượt mức, một biến số bình phương đo lường mức độ ảnh hưởng của tỷ lệ tử vong thuần ở trẻ sơ sinh trong tương quan với Tổng thu nhập bình quân đầu người quốc gia. Tổng thu nhập quốc gia được coi là một thước đo sự giàu có của một nước, nhưng mối tương quan của nó với tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh bị âm lớn ($r = -0,85$) cho thấy rằng nó cũng phản ánh tình trạng đói nghèo. Phân tích chính của ông cho thấy cả sự bất bình đẳng thu nhập và tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh vượt mức có tác động dương tính đối với tỷ lệ giết người. Tuy nhiên, không rõ là liệu chỉ số bình phương này có kiểm tra được một cách công bằng vai trò của sự bất bình đẳng

và nghèo đói hay không. Ví dụ, hệ số tương quan không thứ bậc giữa tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh bình phương và tỷ lệ giết người chỉ là 0,31, trong khi tương quan giữa tỷ lệ bất bình đẳng và giết người là 0,63.

Nghiên cứu về bất bình đẳng và các loại tội phạm khác

Các học giả dựa trên lý thuyết về tội phạm nói chung, chứ không phải lý thuyết về tội giết người, để giải thích những tác động của sự bất bình đẳng và nghèo đói lên tỷ lệ giết người. Nếu bất bình đẳng hoặc nghèo đói là các yếu tố sinh tội ác, thì nó sẽ phải có tác động đến các loại tội ác khác nhau. Thực tế nghiên cứu xã hội học cổ điển của Merton (1938) đã nhấn mạnh tội ác luôn gắn liền với động cơ lợi ích. Ví dụ, “những người đổi mới” và “những người nổi loạn” trong phân tích của ông là tội phạm về tài sản và tội phạm là doanh nhân, không phải kẻ giết người. Việc tập trung vào tội phạm giết người trong nghiên cứu là vấn đề về phương pháp luận, không phải là ưu tiên lý luận.

Mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và các loại tội phạm không gây ra chết người đã nhận được ít nhiều chú ý. Hầu hết các nghiên cứu đều dựa trên phân tích tổng hợp các dữ liệu chính thống (ví dụ như Bennett, 1991; Bourguignon, 2001; Eisner, 2002; Kick và LaFree, 1985; Krohn, 1978; LaFree và Kick, 1986; Messner, 1986). Một số nghiên cứu đã cho thấy những tác động dương tính, một số cho thấy tác động âm tính, và một số không cho thấy có tác động. Về cơ bản, người ta nghi ngờ tính xác thực của những nghiên cứu này chủ yếu là do sự khác biệt trong báo cáo tội phạm và dữ liệu tội phạm ở nhiều quốc gia (Soares, 2000).

Một vài nghiên cứu đã dựa trên dữ liệu từ Khảo sát quốc tế về Nạn nhân của Tội ác (ICVS) (Neapolitan, 2003; Tseloni và Farrell, 2002; Van Wilsem, 2004; Van Wilsem, de Graaf và Wittebrood, 2002). Tất cả đều cho thấy có bằng chứng về một mối liên kết dương tính giữa bất bình đẳng và bạo hành nạn nhân. Chỉ có một trong số các nghiên cứu này là được thực hiện ở nhiều cấp độ (Van Wilsem, de Graaf, và Wittebrood, 2002) và nó đưa ra được bằng chứng hỗn tạp: bất bình đẳng thu nhập gắn liền với các loại tội phạm trộm cắp ở khu vực xung quanh nơi cư trú của nạn nhân (chứ không phải bên ngoài nơi cư trú), và các tội phạm bạo lực bên ngoài của nơi cư trú (chứ không phải bên trong nơi cư trú). Quan trọng là, nghiên cứu đã không tính đến yếu tố đói nghèo. Chỉ có một trong số các nghiên cứu tổng hợp (Neapolitan, 2003) có tính đến yếu tố đói nghèo (tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh), và bằng chứng nghiên cứu đưa ra cũng rất hỗn tạp. Các phân tích tổng hợp cho rằng sự bất bình đẳng thu nhập đã có tác động dương tính lên các loại tội phạm hành hung, cướp và trộm đột nhập, không tác động đến hành vi ăn cắp và xâm phạm tình dục, và tác động âm tính đến gian lận. Tuy nhiên, các phép tính của Neapolitan về tội phạm được dựa trên dữ liệu thu thập từ các cuộc khảo sát tại các thành phố thủ đô trong khi phép tính của ông về bất bình đẳng và đói nghèo lại dựa trên dữ liệu toàn quốc gia. Đối với hầu hết các nước, tình hình kinh tế của thủ đô có thể sẽ khác so với của cả nước.

(còn nữa)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agnew, R. (1999), "Lý thuyết chung về xu hướng khác biệt trong cộng

đồng về tỷ lệ tội phạm", *Journal of Research in Crime & Delinquency*, Vol.36, p.123-155.

2. Anderson, E. (1999) *Luật lệ đường phố*, W. W. Norton & Company.
3. Antonaccio, O. và Tittle, C.R. (2007), "Một bài kiểm tra xuyên quốc gia về Lý thuyết Tội phạm học và Các điều kiện kinh tế của Bonger", *Criminology*, Vol.45, p.925-958.
4. Bailey, W. C. (1984), "Nghèo đói, bất bình đẳng, và tỷ lệ giết người ở đô thị: Vài phát hiện không quá bất ngờ", *Criminology*, Vol.22, p.531-550.
5. Bennett, R. R. (1991), "Sự phát triển và Tội phạm: Phân tích các mô hình cạnh tranh qua thời gian và xuyên quốc gia", *The Sociological Quarterly*, Vol.32, p.343-363.
6. Berkowitz, L. (1993), *Sự gây hấn: Nguyên nhân, hậu quả và biện pháp kiểm soát*, McGraw-Hill, New York.
7. Black, D. (1976), *Hành vi của pháp luật*, Academic Press, New York.
8. Black, D. (1983), "Tội phạm dưới góc nhìn là một kiểm soát xã hội", *Tạp chí Xã hội học Mỹ*, Vol.48, p.34-45.
9. Blau, J. R. và Blau, P. M. (1982), "Cái giá của bất bình đẳng: Cấu trúc đô thị và tội phạm bạo lực", *American Sociological Review*, Vol.47, p.114-129.
10. Bourguignon, F. (2001), "Tội phạm- Cái giá của đói nghèo và bất bình đẳng xã hội: Nhìn lại ở những nước đang phát triển", trong: S. Yusuf, S. Evenett và W. Wu (đồng chủ biên), *Những vấn đề của toàn cầu hóa: Sự phát triển ở tầm trong nước và quốc tế*, Ngân hàng Thế giới, Washington D. C.
11. Brush, S. G. (1996), "Những động thái thay đổi về mặt lý luận trong ngành Khoa học xã hội", *Journal of Conflict Resolution*, Vol.40, p.523-545.

12. Bursik, R. J. (1988), “Vô tổ chức xã hội và lý thuyết về tội phạm và phạm pháp: Những vấn đề và viễn cảnh”, *Criminology*, Vol.26, p.519-551.
13. Clark, R. E. (1972), *Lý thuyết về nhóm tham khảo và sự phạm pháp*, Human Science Press, New York.
14. Chamlin, M. B. và Cochran, J. K. (2005), “Bất bình đẳng kinh tế và tội sát nhân trong xã hội hiện đại: Hướng tới sự phát triển của thuyết xuyên quốc gia”, *Homicide Studies*, Vol.9, p.3-29.
15. Cochran, J. K., Chamlin, M. B., Beeghley, L. và Fenwick, M. (2004), “Tôn giáo, sự mộ đạo và hành vi ứng xử tình dục ngoài hôn nhân: một ứng dụng của lý thuyết về nhóm tham khảo”, *Sociological Inquiry*, Vol.74, p.70-101.
16. Cusson, M. (2005), *La Délinquance, une Vie Choisie: Entre Plaisir et Crime*, Éditions Hurtubise.
17. Dollard, J., Doob, N., Miller, N. E., Mowrer, O. H. và Sears, R. R. (1939), *Sự thất vọng và gây hấn*, Yale University Press, New Haven.
18. Easterlin, R. A. (2001), “Thu nhập và Hạnh phúc: Hướng tới một lý thuyết hợp nhất”, *The Economic Journal*, Vol.473, p.465-484.
19. Eisner, M. (2002), “Tội phạm, say rượu và lạm dụng thuốc: Những cung cách hành vi ứng xử bất thường giữa các quốc gia”, *Annals of the New York Academy of Sciences*, Vol.580, p.201-225.
20. Fajnzylber, P., Lederman, D. and Loayza, N. (1998), *Các yếu tố tạo nên tỷ lệ tội phạm ở khu vực Mỹ Latinh và thế giới: Một đánh giá thực nghiệm*, Ngân hàng Thế giới, Washington D. C.
21. Fajnzylber, P., Lederman, D. và Loayza, N. (2002a), “Nguyên nhân gây ra tội phạm bạo lực?”, *European Economic Review*, Vol.46, p.1323-1356.
22. Fajnzylber, P., Lederman, D. và Loayza, N. (2002b), “Bất bình đẳng và Tội phạm bạo lực”, *The Journal of Law and Economics*, Vol.45, p.1-39.
23. Felson, R. B. và Paré, P. P. (2010), “Văn hóa súng đạn hay văn hóa danh dự? Giải thích sự khác biệt vùng miền và chủng tộc trong việc trang bị vũ khí”, *Social Forces*, Vol.88, p.1357-1378.
24. Goodwin, J. (2001), *Không còn con đường nào khác: Các bang và phong trào cách mạng, 1945-1991*, Cambridge University Press.
25. Gurr, T. R. (1968), “Các yếu tố tâm lý trong bạo lực dân sự”, *World Politics*, Vol.20, p.245-278.
26. Gurr, T. R. (1970), *Tại sao con người nổi loạn*, Princeton University Press.
27. Jacobs, B. A. và Wright, R. (2006), *Công lý đường phố: Sự trả thù trong thế giới ngầm của tội phạm*, Cambridge University Press, New York.
28. Katz, J. (1988), *Những cám dỗ của tội ác: Sức hấp dẫn về tinh thần và thể xác trong thực hiện hành vi tội ác*, Basic Books.
29. Kick, E. L. và LaFree, G. D. (1985), “Sự phát triển và hoàn cảnh xã hội của tội giết người và trộm cắp”, *Comparative Social Research*, Vol.8, p.37-58.
30. Krahm, H., Hartnagel, T. và Gartrell, J. (1986), “Bất bình đẳng thu nhập và tỷ lệ giết người: Dữ liệu các quốc gia và các lý thuyết tội phạm học”, *Criminology*, Vol.24, p.269- 295.

31. Krohn, M. (1978), “Một phân tích của Durkheimian về tỷ lệ tội phạm quốc tế”, *Social Forces*, Vol.57, p.654-670.
32. Kubrin, C. E. và Weitzer, R. (2003), “Tội phạm giết người do thù hận: Bất lợi tập trung và văn hóa láng giềng”, *Social Problems*, Vol.50, p.157-180.
33. LaFree, G. (1999), “Những nghiên cứu tương đối ở các quốc gia về tội giết người”, trong: M. D. Smith và M. A. Zahn (chủ biên), *Những nghiên cứu về tội giết người: Một cuốn sách gốc về nghiên cứu xã hội*, Beverly Hills, Sage, California.
34. LaFree, G. và Kick, E. (1986), “Ảnh hưởng xuyên quốc gia của các biến số biểu thị sự phát triển, phân phối thu nhập và nhân khẩu học đến tội phạm: Một đánh giá và phân tích”, *International Annals of Criminology*, Vol.24, p.213-235.
35. Lee, M. R. (2000), “Đói nghèo tập trung, chủng tộc và tội giết người”, *Sociological Quarterly*, Vol.41, p.189-206.
36. Limpert, E., Stahel, W. A. và Abbt, M. (2001), “Sự phân phối thu nhập chuẩn tắc dưới góc nhìn của khoa học: Những điểm mấu chốt”, *Bioscience*, Vol.51, p.341-352.
37. Luckenbill, D. F. (1977), “Tội giết người với góc nhìn là một tiến trình có bối cảnh cụ thể”, *Social Problems*, Vol.26, p.176-186.
38. McAdam, D., Tarrow, S. và Tilly, C. (2001), *Những động cơ của sự ganh đua*, Cambridge University Press.
39. McPhail, C. (1991), *Huyền thoại về đám đông nổi điên*, Aldine de Gruyter, New York.
40. Merton, R. K. (1938), “Cấu trúc xã hội và tình trạng vô tổ chức”, *American Sociological Review*, Vol.3, p.672-682.
41. Messner, S. F. (1986), “Hiện đại hóa, các đặc điểm về cấu trúc và tỷ lệ tội phạm của toàn xã hội: Một ứng dụng của lý thuyết xã hội vĩ mô của Blau”, *Sociological Quarterly*, Vol.27, p.27-41.
42. Messner, S. F. (2003), “Hiểu về sự khác biệt về mức độ tội phạm bạo lực giữa các quốc gia”, trong: W. Heitmeyer and J. Hagan (chủ biên), *International Handbook of Violence Research*, Kluwer, Dordrecht, Netherlands.
43. Messner, S. F., Raffalovich, L. E. và Shrock, P. (2002), “Đánh giá lại mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tỷ lệ giết người ở các quốc gia: Những kết quả từ kiểm soát chất lượng dữ liệu trong việc đánh giá mức phân phối thu nhập”, *Journal of Quantitative Criminology*, Vol.18, p.377-395.
44. Messner, S. F., Raffalovich, L. E. và Sutton, G. M. (2010), “Nghèo đói, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và tỷ lệ giết người ở các quốc gia: đánh giá về tiêu chuẩn và tính hiệu quả xây dựng”, *Criminology*, Vol.48, p.509-537.
45. Messner, S. F. và Rosenfeld, R. (1997a), *Tội phạm và giấc mơ Mỹ*, Tái bản lần thứ 2, Wadsworth, Belmont, CA.
46. Messner, S. F. và Rosenfeld, R. (1997b), “Sự kiểm chế mang tính chính trị đối với thị trường và các cấp độ của tội giết người: Một ứng dụng xuyên quốc gia của lý thuyết vô thể chế”, *Social Forces*, Vol.75, p.1393-1416.

47. Miethe, T. D., Stafford, M. C. và Long, J. S. (1987), “Sự phân hóa xã hội về quá trình trở thành nạn nhân của tội phạm hình sự: Một bài kiểm tra về các hoạt động hàng ngày/lý thuyết về lối sống”, *American Sociological Review*, Vol.52, p.184-194.
48. Miller, W. B. (1958), “Văn hóa tầng lớp thấp dưới góc độ là môi trường tạo ra tội phạm côn đồ”, *Journal of Social Issues*, Vol.14, p.5-19.
49. Mosley, W. H. và Chen, L. C. (1984), “Cơ sở phân tích của Nghiên cứu về sự sinh tồn của trẻ em ở các nước đang phát triển”, *Population and Development Review*, Vol.10, p.25-45.
50. Neapolitan, J. L. (1997), *Tội phạm xuyên quốc gia: Một cuốn sách gốc về nghiên cứu và đánh giá*, Greenwood Press, Westport, Connecticut.
51. Neapolitan, J. L. (2003), “Giải thích sự khác nhau về nạn nhân của tội phạm giữa các quốc gia và bên trong các quốc gia”, *International Criminal Justice Review*, Vol.13, p.76-89.
52. Neckerman, K. và Torche, F. (2007), “Bất bình đẳng: Nguyên nhân và hệ quả”, *Annual Review of Sociology*, Vol.33, p.335-357.
53. Neumayer, E. (2003), “Chính sách tốt có thể giảm tội phạm bạo lực: Dẫn chứng từ một Kênh tư liệu xuyên quốc gia về tỷ lệ giết người”, 1980-97, *Journal of Peace Research*, Vol.40, p.619-640.
54. Ouimet, M. (2012), “Thế giới sát nhân: Ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế, bất bình đẳng thu nhập và tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh đến tỷ lệ giết người ở 165 nước năm 2010”, *Homicide Studies*, Vol.16, p.238-258.
55. Parker, K. F. và Reckdenwald, A. (2008), “Bất lợi tập trung, các mô hình truyền thống về vai trò của nam giới, và bạo lực thanh thiếu niên người Mỹ - gốc Phi”, *Criminology*, Vol.46, p.711-735.
56. Pratt, T. C. và Cullen, F. T. (2005), “Đánh giá các chỉ số dự báo vĩ mô và lý thuyết về tội phạm: Một phân tích tổng hợp”, trong: M. Tonry (chủ biên), *Tội phạm và Công lý: Bài đánh giá nghiên cứu số 12*, University of Chicago Press, Chicago, IL.
57. Pratt, T. C. và Godsey, T. W. (2003), “Trợ cấp xã hội, bất bình đẳng và tội giết người: Một kiểm nghiệm xuyên quốc gia về mô hình lý luận tích hợp”, *Criminology*, Vol.41, p.611-643.
58. Pridemore, W. A. (2008), “Ý kiến bổ sung về mặt phương pháp luận cho tài liệu xuyên quốc gia về cấu trúc xã hội và tội giết người: Bài kiểm tra đầu tiên về lý thuyết mối quan hệ đói nghèo-sát nhân”, *Criminology*, Vol.46, p.133-154.
59. Pridemore, W. A. (2011), “Các vấn đề đói nghèo: Đánh giá lại mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tội giết người tại các nghiên cứu xuyên quốc gia”, *British Journal of Criminology*, Vol.51, p.739-772.
60. Runciman, W. G. (1966), *Mặt cảm hèn kém tương đối và Công lý xã hội*. Routledge.
61. Sampson, R. J. và Lauritsen, J. L. (1994), “Nạn nhân của bạo lực và tội phạm: Các yếu tố rủi ro ở cấp độ cá nhân - hoàn cảnh - và cộng đồng”, trong: A. J. Reiss và J. Roth (đồng chủ biên), *Hiểu và ngăn ngừa bạo lực: Những ảnh hưởng của xã hội*, số 3, National Academy Press, Washington, D. C.

62. Sampson, R. J., Raudenbush, S. và Earls, F. (1997), "Môi trường xung quanh và tội ác bạo lực: Một nghiên cứu đa cấp độ về tính hiệu quả tập thể", *Science*, Vol.277, p.918-924.
63. Savolainen, J. (2000), "Bất bình đẳng, sự giàu có của quốc gia và tội ác giết người: Nghiên cứu thêm về lý thuyết vô thể chế", *Criminology*, Vol.38, p.1021-1042.
64. Soares, R. R. (2000), *Sự phát triển, tội ác và trừng phạt: Nghiên cứu những điểm khác biệt về tỷ lệ tội phạm cấp độ quốc tế*, [http://lacea.org/meeting2000/Rodrigo Soares.pdf](http://lacea.org/meeting2000/RodrigoSoares.pdf)
65. Tedeschi, J. T. và Felson, R. B. (1994), *Bạo lực, sự gây hấn và những hành động cưỡng bức*, Hội tâm thần học Hoa Kỳ, Washington, DC.
66. Thomas, W. I. và Thomas, D. S. (1928), *Trẻ em ở Mỹ: Các vấn đề và chương trình về hành vi ứng xử*, Knopf, New York.
67. Tseloni, A. và Farrell, G. (2002), "Nạn nhân của trộm cắp trên khắp châu Âu: Vai trò của giai đoạn trước khi trở thành nạn nhân, Các hoạt động hàng ngày cấp vĩ mô và vi mô", trong: P. Nieuwbeerta (chủ biên), *Nạn nhân của tội phạm trong bối cảnh tương quan so sánh: Các kết quả từ ICVS, 1989-2000*, Boom Juridische Uitgevers, Den Haag.
68. Van Wilsem, J. (2004), "Nạn nhân của tội ác phạm vi xuyên quốc gia: Phân tích về tỷ lệ trộm cắp, bạo lực và phá hoại ở 27 nước", *European Journal of Criminology*, Vol.1, p.89-109.
69. Van Wilsem, J., de Graaf, N. D. và Wittebrood, K. (2002), "Những khác biệt về tội ác ở các quốc gia: Ảnh hưởng của hoàn cảnh và yếu tố cấu thành", trong: P. Nieuwbeerta (chủ biên), *Nạn nhân của tội ác trong bối cảnh tương quan so sánh: Các kết quả từ Khảo sát Quốc tế về Nạn nhân của tội ác, 1989-2000*, Boom Juridische Uitgevers, Den Haag.
70. Walker, I., Wong, N. K. và Kretzschmar, K. (2002), "Mặc cảm hèn kém tương đối và sự đề cao: từ hèn thù cho đến hành động", trong: I. Walker and H. J. Smith (đồng chủ biên), *Mặc cảm hèn kém tương đối: đặc điểm, sự phát triển và tích hợp*, Cambridge University Press.
71. Wilkinson, R. (2004), "Tại sao bạo lực lại phổ biến hơn ở những nơi có bất bình đẳng lớn hơn?", *Annals of the New York Academy of Sciences*, Vol.1036, p.1-12.
72. Wilkinson, R. và Pickett, K. (2009), *Cấp độ về tinh thần*, Allen Lane.
73. Wolfgang, M. E. và Ferracuti, F. (1967), *Tiểu văn hóa bạo lực: Hướng tới một lý thuyết chung về Tội phạm học*, Tavistock Publications, London.